

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **11A** /2018/HS-PT

Ngày: 19-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Tấn Lợi**

Các thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Mai**

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông **Đỗ Thành Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 350/2017/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo **Hồ Hương H.**

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hồ Hương H (A), sinh năm: 1968, tại tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú và chỗ ở: ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

Con ông Hồ Văn D, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1933 (còn sống); Chồng: Đặng Văn K, sinh năm 1964; Con: có một người, sinh năm 1990; Anh, chị, em ruột: có 07 người, bị cáo là người thứ năm;

Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: không; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Hương H là người giúp việc nhà cho bà Nguyễn Thị T1 từ năm 2010 đến năm 2015. Trong thời gian này H có giới thiệu cho bà T1 tham gia chơi hụi do bà Lâm Thị Hồng P1, sinh năm 1969 cư trú: ấp P, xã Tân P, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp làm đầu thảo. Thời gian đầu bà T1 và bà P1 liên lạc với nhau bằng điện thoại để trao đổi với nhau về số tiền đóng hoặc hốt hụi rồi bà T1 mới đưa tiền cho bà H đến đưa cho bà P1. Do H thực hiện tốt việc giao nhận tiền từ bà T1 và bà P1, nên bà T1 tin tưởng không liên lạc với bà P1 nữa mà giao cho H liên hệ với bà P1 rồi nói số tiền phải đóng hụi thì bà T1 đưa tiền cho H đi đóng hụi. Từ đó, H lợi dụng sự tin tưởng của bà T1 đã tự ý đến gặp bà P1 bỏ thâm hốt hụi 16 phần hụi của bà T1 để chiếm đoạt tổng số tiền 148.313.000 đồng (vụ việc này đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. S).

Ngoài ra trong thời gian trên H có vay tiền của bà T1 nhiều lần, nhưng khi đến hạn đóng lãi và trả tiền góp thì không có tiền trả, nên H đã nói dối với bà T1 là có người bán hụi để bà T1 tin tưởng mua hụi và đưa tiền cho H chiếm đoạt 03 lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 23/10/2015 (nhằm ngày 11/9/2015 âm lịch) H nói dối với bà T1 là: “Má A” (là mẹ ruột của H tên thật là Nguyễn Thị C, sinh năm 1933 ngụ ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp có tham gia chơi 01 phần hụi 1.000.000 đồng do P1 làm đầu thảo, khai vào ngày 10/9/2015 âm lịch gồm 17 phần và đã khai được 01 lần người hốt được số tiền 10.700.000 đồng), do cần tiền mua heo về nuôi nên bán phần hụi trên với giá 10.700.000 đồng, bà T1 đồng ý mua. Sau

khi trừ tiền lãi và tiền góp mà H phải đóng cho bà T1, bà T1 đưa cho H số tiền còn lại là **6.500.000 đồng**, H lấy tiền tiêu xài.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 02 tháng (H không nhớ rõ ngày) H nói dối với bà T1 là: “*Cô L*” (là chị dâu của H tên là Đoàn Thị Kim L, sinh năm 1968 ngụ: ấp P, xã Tân P, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp), có tham gia 01 phần hui 1.000.000 đồng (do P1 làm đầu thảo), khai vào ngày 10/9/2015 âm lịch gồm 17 phần và đã khai được 03 lần người hốt được số tiền 10.700.000 đồng, do cần tiền trả ngân hàng nên bán phần hui trên với giá 10.700.000 đồng, bà T1 đồng ý mua nhưng trừ tiền lãi và tiền góp H phải đóng cho bà T1, bà T1 đưa cho H số tiền còn lại là **2.800.000 đồng**, H lấy tiền tiêu xài.

Lần thứ ba: Vào ngày 25/01/2016 (nhằm ngày 16/12/2015 âm lịch) H tiếp tục nói dối với bà T1 là: “*Má A*” có tham gia chơi 01 phần hui 1.000.000 đồng (do P1 làm đầu thảo), khai vào ngày 15/12/2015 âm lịch gồm 27 phần và đã khai được 01 lần người hốt được số tiền 17.580.000 đồng, do cần tiền mua heo về nuôi nên bán phần hui trên với giá 17.580.000 đồng, bà T1 đồng ý mua nhưng trừ tiền lãi và tiền góp H phải đóng cho bà T1, nên bà T1 đưa cho H số tiền còn lại là **7.200.000 đồng**, H lấy tiền tiêu xài.

Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị T1 cho rằng cả 03 lần mua hui do H bán bà không có cản trừ tiền lãi và tiền góp cho H, bà đưa đủ số tiền 03 lần H bán hui tổng cộng là 38.980.000 đồng. Nhưng cả 03 lần đưa tiền thì chỉ có bà T1 và H không có ai chứng kiến. Qua đối chất thì H thừa nhận 03 lần bán hui chỉ nhận số tiền mặt từ bà T1 là 16.500.000 đồng. Do đó chỉ có đủ căn cứ quy kết H chiếm đoạt tiền của bà T1 là 16.500.000 đồng. Qua thỏa thuận dân sự thì Hồ Hương H đồng ý bồi thường cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 38.980.000 đồng theo yêu cầu của bà T1.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2017/HSST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Hương H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm h, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hồ Hương H mức án 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, bị cáo Hồ Hương H có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Hương H về việc xin hưởng án treo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có tác động gia đình nộp tiền bồi thường, khắc phục hậu quả đối với số tiền chiếm đoạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 16.700.000 đồng, đây là tình tiết mới thuộc trường hợp được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nhưng do tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng không chỉ đối với số tiền chiếm đoạt 16.500.000 đồng, bị cáo còn thực hiện hành vi lừa dối bà Nguyễn Thị T1 hốt hui thay 16 phần hui của bà T1 để chiếm đoạt số tiền 148.313.000 đồng, hành vi này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đang xem xét, giải quyết. Vì vậy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là phù hợp nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và phòng ngừa chung.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và lời khai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Hồ Hương H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng đã truy tố. Thể hiện, bị cáo lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của bà Nguyễn Thị T1 do có thời gian dài từ năm 2010 đến năm 2015 bị cáo là người giúp việc nhà cho bà T1 và được bà T1 nhiều lần gửi tiền để đi nộp hụi cho bà Lâm Thị Hồng P1. Bị cáo đã lừa dối bà T1 bán lại cho bà T1 02 phần hụi của mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị C và 01 phần hụi của chị dâu bị cáo là bà Đoàn Thị Kim L, do bị cáo cho rằng họ có chơi hụi từ bà P để lần lượt ba lần chiếm đoạt tài sản của bà T1 với tổng số tiền là 16.500.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, đã gây mất trật tự trị an và hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo vẫn còn trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng lại không chăm chỉ lao động chân chính để có thu nhập hợp pháp, chỉ vì muốn có tiền nhanh chóng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bà T1 với số tiền là 16.500.000 đồng, hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện nhiều lần (ba lần). Rõ ràng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội và có căn cứ. Tuy nhiên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là không đúng, vì trong vụ án này bị cáo đã ba lần thực hiện hành vi lừa đảo và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng và phù hợp pháp luật, nên cần sửa án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo. Đối với các tình tiết giảm nhẹ khác cũng như nhân thân bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đúng quy định pháp luật, nên vẫn được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo H vẫn kháng cáo xin hưởng án treo và đã cung cấp thêm tình tiết mới là bị cáo có tác động gia đình nộp tiền bồi thường,

khắc phục hậu quả cho bị hại đối với số tiền chiếm đoạt và nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 16.700.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là phù hợp; đối với việc bị cáo cho rằng bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình là chưa thỏa đáng bởi vì bị cáo có chồng và có con đã thành niên, nên trình bày này của bị cáo là không có cơ sở.

[5] Từ cơ sở trên, xét thấy sau khi cân đối tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng và không áp dụng cho bị cáo thì mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H về việc xin hưởng án treo, mà cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là phù hợp nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Vì vậy cần giữ nguyên mức hình phạt mà án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo, chỉ sửa phần liên quan đến tình tiết giảm nhẹ của điều luật áp dụng.

[6] Do hành vi phạm tội của bị cáo H được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (trước ngày 01/01/2018). So với quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm, hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là tương ứng nhau, đồng thời bị cáo cũng không thuộc trường hợp được xem xét tình tiết có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy cần áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết trong vụ án này, theo tinh thần Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[8] Do kháng cáo của bị cáo H không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hồ Hương H;

Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Hương H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Hồ Hương H mức án 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Các phần khác của quyết định Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Hồ Hương H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐT CA huyện T;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Nghĩa).

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi